

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2023/DS-ST.  
Ngày: 26-9-2023.  
Về việc “Tranh chấp về hợp  
đồng dân sự vay tài sản”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Hiếu.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Quang Thanh;
- Ông Bùi Văn Dũng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên, Thư ký  
Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh: Bà Nguyễn Thị  
Mộng Linh, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân  
thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số  
90/2023/TLST-DS, ngày 18/4/2023, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự  
vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2023/QĐXXST-DS,  
ngày 23/8/2023, giữa các đương sự

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị R, sinh năm 1965, địa chỉ: Số A, đường LD, tổ  
phường MP, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963, địa chỉ: Tổ H,  
khóm MH, phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện  
theo ủy quyền.

- Bị đơn:

- Nguyễn Minh T, sinh năm 1976;
- Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Tổ M, ấp DB, xã HA, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Thu G, sinh năm  
1975, địa chỉ: Số AS, đường AC, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng  
Tháp.

- Bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Thu G có mặt tại phiên tòa; chị Nguyễn Thị Thúy H vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị R (bà Nguyễn Thị M đại diện) trình bày:**

Ngày 19/3/2022, anh T và chị H có vay của bà R số tiền 750.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 3%/tháng, anh T và chị H có thể chấp cho bà R Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD9749477, ngày 14/7/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh, cấp quyền sử dụng đất cho anh T, chị H, đối với diện tích đất thuộc thửa số 964, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Việc cho vay tiền hai bên có lập “Văn bản thỏa thuận về việc mượn tiền có thể chấp quyền sử dụng đất”, khi vay tiền thì có mặt chị H, nhưng chị H không ký tên, chỉ có anh T ký tên, anh T vay tiền để sử dụng mục đích kinh doanh. Đến hạn anh T và chị H không trả tiền vay và tiền lãi, bà R nhiều lần yêu cầu anh T và chị H trả tiền vay và tiền lãi nhưng đến nay anh T và chị H chưa trả.

Theo đơn khởi kiện, bà R khởi kiện yêu cầu anh T và chị H liên đới trả số tiền 750.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,66%/tháng, với số tiền là 149.400.000 đồng, tổng cộng là 899.400.000 đồng, yêu cầu tiếp tục trả lãi cho đến khi xét xử xong vụ án.

Tại phiên tòa, bà M đại diện bà R yêu cầu vợ chồng anh T và chị H liên đới trả số tiền vốn 750.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay đến ngày xử là 18 tháng 07 ngày, mức lãi suất 0,83%/tháng, với số tiền là 113.500.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 863.500.000 đồng. Bà R đồng ý trả cho anh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD9749477, ngày 14/7/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh.

**- Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Minh T trình bày:** Năm 2020 (không nhớ cụ thể ngày, tháng), anh T có bảo lãnh cho chị G vay của bà R số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000 đồng/ngày, chị G trả tiền lãi đầy đủ. Đến ngày 19/3/2022, anh T có thể chấp cho bà R Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất thuộc thửa số 964, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, để vay của bà R số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 24.000.000 đồng/tháng, hai bên có lập “Văn bản thỏa thuận về việc mượn tiền có thể chấp quyền sử dụng đất”, anh T đã trả tiền lãi được 01 tháng, đến tháng 4/2022 anh T dự định sẽ trả cho bà R tiền vốn 400.000.000 đồng, nhưng chị G hỏi vay lại số tiền này, anh T đã giao cho chị G 400.000.000 đồng nên từ đó chị G nhận và trả lãi, mỗi lần đến hạn trả tiền lãi, chị G đưa tiền cho anh T trực tiếp giao cho bà R, việc trả lãi không có làm biên nhận. Anh T đề nghị chị G trả cho bà R số tiền vốn vay 750.000.000 đồng và tiền lãi, vì anh bảo lãnh cho chị G vay. Việc anh T bảo lãnh cho chị G vay tiền của bà R, chị H không hay biết. Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

của bà R buộc anh T trả số tiền vay nêu trên thì anh sẽ khởi kiện chị G thành vụ án khác.

**- Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thu G trình bày:**

Năm 2020, (không nhớ ngày, tháng), chị G có nhờ anh T bảo lãnh để vay của bà R số tiền 350.000.000 đồng, sau đó đến năm 2022, chị G tiếp tục nhận của anh T số tiền 400.000.000 đồng từ tiền vay của bà R như lời trình bày của anh T, chị G không nhớ lãi suất bao nhiêu, chị G đã trả lãi cho bà R từ khi vay đến tháng 01/2023, khi đến hạn trả lãi, chị G đưa tiền cho anh T trả lãi cho bà R, chị G không nhớ đã trả được bao nhiêu tiền lãi, khi trả lãi không có làm biên nhận. Nay chị G đồng ý trả cho bà R tiền vốn và lãi theo yêu cầu bà R.

**- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao lãnh tham gia phiên tòa**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, như: Về thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách đương sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định, việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng thời hạn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị R, yêu cầu anh Nguyễn Minh T trả số tiền vốn và lãi là 863.500.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của bà R, yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy H cùng liên đới trả tiền vốn và lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”, với bị đơn Nguyễn Minh T và Nguyễn Thị Thúy H, địa chỉ: ấp Đông Bình, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh. Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Nguyễn Thị Thúy H vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

## **[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:**

[2.1] Xét về tiền vốn: Bà R có suất trình cho Tòa án “Văn bản thỏa thuận về việc mượn tiền có thể chấp quyền sử dụng đất”, ngày 19/3/2022, theo đó thể hiện nội dung anh T có vay của bà R số tiền 750.000.000 đồng.

[2.2] Xét về lãi suất: “Văn bản thỏa thuận về việc mượn tiền có thể chấp quyền sử dụng đất” không thể hiện lãi suất, bà M yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng là phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Xét bà R yêu cầu chị H cùng với anh T trả số tiền vốn và lãi 863.500.000 đồng: Theo “Văn bản thỏa thuận về việc mượn tiền có thể chấp quyền sử dụng đất” chị H không có lý tên và cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh chị H cùng anh T vay tiền của bà R.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu của bà R, yêu cầu anh T trả số tiền vốn và lãi là 863.500.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của bà R yêu cầu chị H liên đới trả.

**[3]** Xét lời trình bày của bị đơn Nguyễn Minh T: Anh T trình bày vào năm 2020 anh bảo lãnh cho chị G vay của bà R số tiền 350.000.000 đồng, đến ngày 19/3/2022, anh T có vay của bà R số tiền 400.000.000 đồng, sau đó chị G nhận vay lại số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích trên tại “Văn bản thỏa thuận về việc mượn tiền có thể chấp quyền sử dụng đất”, ngày 19/3/2022, thể hiện nội dung anh T vay của bà R số tiền 750.000.000 đồng, không thể hiện nội dung anh T bảo lãnh cho chị G vay, mặc khác thì anh T cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của anh.

**[4]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T có trách nhiệm trả cho bà R số tiền 863.500.000 đồng nên phải chịu án phí 37.905.000 đồng, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị R (bà Nguyễn Thị M đại diện), yêu cầu anh Nguyễn Minh T trả tiền vốn và lãi là 863.500.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị R (bà Nguyễn Thị M đại diện), đối với yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy H liên đới với anh Nguyễn Minh T trả số tiền vốn và lãi là 863.500.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị R (bà M đại diện) đồng ý trả cho anh Nguyễn Minh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD9749477, ngày 14/7/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Buộc anh Nguyễn Minh T trả cho bà Nguyễn Thị R tiền vốn và lãi là

863.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh T phải chịu số tiền 37.905.000 đồng. Hoàn trả cho bà R tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.491.000 đồng, theo biên lai số 0012132, ngày 13/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn Nguyễn Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn Nguyễn Thị Thúy H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Các đương sự.
- Lưu.

**Đinh Tấn Hiếu**

